

Số: 1298 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 10 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế**

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Quyền Trưởng Ban Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

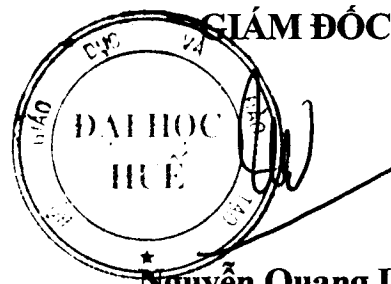
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tạm thời về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế”.

**Điều 2.** Quy định tạm thời này được áp dụng cho năm học 2019 – 2020. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng các Ban: Đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị đào tạo thành viên và trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó Giám đốc Huỳnh Văn Chương;
- Lưu VT, Ban ĐT. NTN.



Nguyễn Quang Linh

V

## QUY ĐỊNH TẠM THỜI

### Về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1298 /QĐ-ĐHH ngày 02 tháng 10 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Huế)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này áp dụng cho việc xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các ngành học trình độ đại học theo phương pháp CDIO tại Đại học Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với các Trường, Viện thành viên và Khoa trực thuộc Đại học Huế (sau đây gọi tắt là đơn vị đào tạo) và các cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. CDIO (Conceive – hình thành ý tưởng; Design – xây dựng phương án; Implement – thực hiện phương án; Operate – vận hành phương án) là một giải pháp tổng thể cho toàn bộ quá trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bao gồm việc xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình đào tạo, triển khai chương trình đào tạo và đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo để cải tiến chúng.

2. Chương trình đào tạo là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của bậc đào tạo. Chương trình đào tạo được xây dựng và hoàn thiện theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành (năng lực CDIO) và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn.

#### 3. Chuẩn đầu ra

a) Chuẩn đầu ra thể hiện mục tiêu đào tạo trong đó bao gồm các nội dung và mức độ về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng chương trình và ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hàng năm đảm bảo cam kết của đơn vị đào tạo với yêu cầu của xã hội, của đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

b) Các nội dung của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng được xác định theo các khối kiến thức mô tả trong quy chế đào tạo. Việc xây dựng chuẩn đầu ra được giao cho đơn vị đào tạo chủ trì, khoa (thuộc trường đại học) hoặc bộ môn (trong khoa trực



thuộc) thực hiện. Chuẩn đầu ra được sử dụng làm cơ sở để thiết kế (hoặc điều chỉnh) chương trình đào tạo, tổ chức thực thi chương trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo.

c) Mỗi môn học có chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết, có vai trò riêng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hệ thống môn học tích hợp thành chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

### **Điều 3. Mục tiêu**

Mục tiêu của việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra nhằm:

1. Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng để người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát; thực hiện cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo để cán bộ quản lý, giảng viên và người học nỗ lực vươn lên trong giảng dạy và học tập; đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập; đồng thời xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập và tự học để đạt được chuẩn đầu ra.

2. Công khai cho người học biết chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề sau khi tốt nghiệp của một ngành, một trình độ mà người học có thể đảm nhận.

3. Tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, XÂY DỰNG, CẬP NHẬT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA**

#### **Điều 4. Nội dung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Nội dung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm:

##### **1. Thông tin chung**

Thông tin chung của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm tên chương trình đào tạo tiếng Việt, tên chương trình đào tạo tiếng Anh, trình độ đào tạo, mã ngành đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, loại hình đào tạo, số tín chỉ yêu cầu, thang điểm, điều kiện tốt nghiệp và văn bằng tốt nghiệp.

##### **2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

Mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo. Mục tiêu chung tuyên bố chung về lý do tồn tại của chương trình đào tạo, trong đó xác định một cách chung về năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp cấp độ 1 (-X). Mục tiêu cụ thể cụ thể hoá mục tiêu chung, bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ 2 (-X.x).

##### **3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu**

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân, và năng lực thực hành nghề nghiệp (áp dụng kiến

thức để đem lại lợi ích cho xã hội bằng các năng lực CDIO) được cụ thể hoá ở cấp độ 3 (-X.x.x). Thang đo trình độ năng lực dựa trên thang đo 6 bậc của Bloom.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm:

a) Chuẩn về kiến thức và lập luận ngành, bao gồm các khối kiến thức sau:

- Khối kiến thức chung trong toàn Đại học Huế (về kiến thức nền tảng chung, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan), bao gồm: Kiến thức về giáo dục chính trị; Kiến thức về an ninh quốc phòng; Kiến thức về giáo dục thể chất; Kiến thức về ngoại ngữ; Kiến thức về Công nghệ thông tin và Kiến thức về pháp luật.

- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo (về kiến thức chung đặc trưng của lĩnh vực đào tạo, kiến thức khối ngành)

- Khối kiến thức chung của nhóm ngành (về kiến thức khoa học cốt lõi đặc trưng của nhóm ngành).

- Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp (về kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, niên luận, khóa luận, đồ án...).

b) Chuẩn về kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (gồm khả năng phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp);

- Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức);

- Kỹ năng tư duy hệ thống (gồm khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ);

- Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp (gồm kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu trên Internet, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành);

- Kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau);

- Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức, ...);

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Kỹ năng công nghệ thông tin: đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương được qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ thông tin và Truyền thông.

- Kỹ năng mềm: theo quy định của Đại học Huế.

- Năng lực nhận biết và phân tích bối cảnh xã hội và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (gồm trách nhiệm của cá nhân, hiệu tác động của ngành nghề

*đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu);*

- Năng lực nhận biết và phân tích bối cảnh tổ chức, tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc (*gồm văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị, ...*);

- Năng lực hình thành ý tưởng (*năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp - CDIO*);

- Năng lực xây dựng phương án (*năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp - CDIO*);

- Năng lực thực hiện phương án (*năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp - CDIO*);

- Năng lực vận hành phương án (*năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp - CDIO*);

### c) Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân (*sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo...)*;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với nghề nghiệp (*đạo đức nghề nghiệp, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, ...*);

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với xã hội (*có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới*).

## **Điều 5. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra**

Bước 1: Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các Khoa (thuộc trường đại học) hay các Bộ môn (trong khoa trực thuộc) xây dựng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo thuộc quản lý của Khoa (hay Bộ môn);

Bước 2: Các Khoa (hay Bộ môn) tổ chức xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên ... và hoà thiện chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo;

Bước 3: Các Khoa (hay Bộ môn) gửi dự thảo chuẩn đầu ra để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên ...;

Bước 4: Các Khoa (hay Bộ môn) bổ sung, hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên ... và báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo;

Bước 5: Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo;

Bước 6: Công bố dự thảo chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo trên website của đơn vị đào tạo để cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các trường/khoa cùng khối ngành ... trong và ngoài đơn vị đào tạo cho ý kiến đóng góp;

Bước 7: Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tiếp thu, hoàn thiện và trình thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt ban hành. Chuẩn đầu ra hoàn chỉnh của các ngành đào tạo sau đó được báo cáo cho Đại học Huế bằng file mềm và bằng văn bản.

Bước 8: Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo sau khi được phê duyệt sẽ được công bố công khai trên website của đơn vị đào tạo và của Đại học Huế; được in trong sổ tay sinh viên, sổ tay cán bộ giảng viên, tờ rơi của đơn vị đào tạo.

## **Điều 6. Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra**

Chuẩn đầu ra phải được rà soát, điều chỉnh và bổ sung định kỳ, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của xã hội, của người sử dụng lao động.

### **1. Quy trình cập nhật chuẩn đầu ra**

Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chuẩn đầu ra;

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chuẩn đầu ra (những thay đổi trong quy định Nhà nước, của Đại học Huế, của đơn vị đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn ...)

Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra đang thực hiện (đáp ứng so với chương trình đào tạo và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy ...); sơ sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chuẩn đầu ra;

Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo xem xét thông qua;

Bước 5: Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt ban hành chuẩn đầu ra sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết Hội đồng Khoa học và Đào tạo quyết định việc thẩm định chuẩn đầu ra sửa đổi, bổ sung.

### **2. Tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra**

a) Ít nhất 2 năm một lần, Trưởng Khoa (thuộc trường đại học) hay Trưởng Bộ môn (trong khoa trực thuộc) chuyên môn phải tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo quy định (từ Bước 1 đến Bước 4 của khoản 1 Điều này). Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra được thực hiện theo Quy định này hoặc theo quy trình rút gọn hơn và tổ chức đơn giản hơn, tùy mức độ sửa đổi, cập nhật;

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành chuẩn đầu ra cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo sau khi chuẩn đầu ra được đánh giá.

### Chương 3

## KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 7. Kiểm tra, thanh tra

Hàng năm, Đại học Huế sẽ thực hiện kiểm tra, thanh tra và đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định về chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo của các đơn vị đào tạo theo Quy định này.

### Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo và các cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo vi phạm quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

2. Các trường hợp vi phạm sau đây sẽ bị xử lý kỷ luật:

a) Không đảm bảo chuẩn đầu ra tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

b) Không thực hiện đúng quy trình về xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

### Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các ngành học trình độ đại học.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm thực hiện các quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; quy định cụ thể các nội dung của quy định này phù hợp với yêu cầu của trình độ, đặc thù ngành đào tạo và điều kiện của đơn vị đào tạo.

3. Quy định tạm thời này áp dụng cho năm học 2019 – 2020. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung quy định nào không phù hợp, còn thiếu, các đơn vị phản ánh để Đại học Huế xem xét điều chỉnh, bổ sung, ban hành lại để áp dụng cho các năm học tiếp theo./.



Nguyễn Quang Linh

## **PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~12.98~~/QĐ-ĐHH ngày ~~02~~ tháng ~~10~~ năm 2019  
của Giám đốc Đại học Huế)*

Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra chuẩn đầu ra

Phụ lục 2: Mẫu phiếu kiểm tra tính hiệu lực của chuẩn đầu ra

Phụ lục 3: Mẫu khung mẫu chuẩn đầu ra

Phụ lục 4: Mẫu phiếu đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra



## Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra chuẩn đầu ra

Mã số phiếu: .....

### PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

- Nêu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)

Ngày thu thập thông tin: .... /.... /.....

Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại  Email  Phỏng vấn trực tiếp

#### Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên: .....

2. Năm sinh:..... Giới tính: Nam  Nữ

3. Trình độ học vấn: Tiến sĩ  Thạc sĩ  Cử nhân  Khác

4. Nghề nghiệp: ..... Chức vụ (nếu có):.....

5. Điện thoại: ..... Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức

6. Tên đơn vị/tổ chức:.....

.....

7. Địa chỉ .....

Điện thoại:..... Email:.....

8. Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?

Quản lý Nhà nước

Khu vực viện nghiên cứu, trường đại học

Khu vực kinh tế nhà nước

Khu vực kinh tế tư nhân

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Các tổ chức quốc tế, NGOs...

Thành phần khác.....

9. Đơn vị/tổ chức thuộc lĩnh vực/ngành nào?

Nông - Lâm - Thủy sản

Công nghiệp – Xây dựng

Thương mại, du lịch, khách sạn – nhà hàng

Giao thông, vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc

Tài chính, tín dụng

Giáo dục, y tế, KH&CN, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn

Văn hóa, nghệ thuật, thể thao, xã hội nhân văn

Quản lý Nhà nước, an ninh, quốc phòng

Các lĩnh vực khác.....

10. Tổng số nhân lực: Nhỏ hơn 30  30-100  100-300  Trên 300

11. Năm thành lập: .....

12. Đơn vị/tổ chức của Ông/Bà cần nhân sự liên quan đến lĩnh vực (ngành đào tạo) ở các vị trí nào? Với từng vị trí đó, doanh nghiệp/tổ chức yêu cầu người xin việc phải có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như thế nào?

STT	Vị trí – Phòng/ban	Yêu cầu		
		Về kiến thức	Về kỹ năng	Về tự chủ và trách nhiệm
1				
2				

13. Theo Ông/Bà, sinh viên ngành ..... ra trường có thể làm trong những lĩnh vực nào?

.....   
 .....

14. Theo Ông/Bà, sinh viên ngành ..... ra trường có thể làm ở những vị trí công tác cụ thể nào (ứng với từng lĩnh vực mà ông/bà đã lựa chọn ở trên?)

STT	Lĩnh vực	Vị trí công tác
1		
2		

## Phần 2 - Đánh giá các kỹ năng cần có của sinh viên/học viên tốt nghiệp ngành .....

15. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng cứng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

Theo Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành ..... đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý ông/bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng cứng ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kỹ năng	Mức độ cần thiết <i>1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết</i>	Mức độ đạt được <i>1. Biết, 2. Hiểu &amp; ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá &amp; sáng tạo</i>																														
A	<b>Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân</b>																																
1	Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề 1.1..... 1.2..... .....	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	...	...	...	...	...	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	...	...	...	...	...
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
...	...	...	...	...																													
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
...	...	...	...	...																													
2	Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức 2.1..... 2.2..... .....	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	...	...	...	...	...	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	...	...	...	...	...
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
...	...	...	...	...																													
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
...	...	...	...	...																													
3	Khả năng tư duy hệ thống 3.1.....	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td></tr> </table>	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5										
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													
1	2	3	4	5																													

STT	Các kỹ năng	Mức độ cần thiết 1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết	Mức độ đạt được 1. Biết, 2. Hiểu & ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá & sáng tạo
	3.2..... .....	1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 ...
4	Kỹ năng nghề nghiệp 4.1..... 4.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
5	Kỹ năng làm việc nhóm 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
6	Kỹ năng giao tiếp 6.1..... 6.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
7	Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ 7.1..... 7.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
8	Kỹ năng công nghệ thông tin 8.1..... 8.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
9	Kỹ năng mềm 9.1..... 9.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
<b>B</b>	<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp (áp dụng các kiến thức để đem lại lợi ích cho xã hội bằng các năng lực CDIO)</b>		
1	Nhận biết và phân tích bối cảnh xã hội và ngoại cảnh 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
2	Nhận biết và phân tích bối cảnh tổ chức 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
3	Hình thành ý tưởng (năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn)		

STT	Các kỹ năng	Mức độ cần thiết 1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết	Mức độ đạt được 1. Biết, 2. Hiểu & ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá & sáng tạo
	5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
4	Xây dựng phương án (năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn) 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
5	Thực hiện phương án (năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp) 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
6	Vận hành phương án (năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp) 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
<b>C</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân 9.1..... 9.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội 5.1..... 5.2..... .....	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...

16. Ngoài các kỹ năng đã được liệt kê trong câu hỏi 15, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành ..... cần có thêm các kỹ năng nào?

Xin vui lòng ghi rõ các kỹ năng đó .....

.....

**Xin chân thành cảm ơn!**

## Phụ lục 2: Mẫu phiếu kiểm tra tính hiệu lực của chuẩn đầu ra

Ngành:.....

Họ và tên người kiểm tra: .....

Đơn vị:.....

Chuẩn đầu ra CDIO	Các tiêu chuẩn kiểm định										
	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k
<b>1. Kiến thức và lập luận ngành</b>											
1.1. Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	■										
1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo	■										
1.3. Kiến thức chung cho nhóm ngành	□										■
1.4. Kiến thức ngành/chuyên ngành và hỗ trợ											□
1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp		■									
<b>2. Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân</b>											
2.1. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề						■					□
2.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức											
2.3. Khả năng tư duy hệ thống											
2.4. Các kỹ năng nghề nghiệp											
2.5. Kỹ năng làm việc nhóm											
2.6. Kỹ năng giao tiếp											
2.7. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ											
2.8. Kỹ năng công nghệ thông tin											
2.8. Kỹ năng mềm											
<b>3. Năng lực thực hành nghề nghiệp (áp dụng các kiến thức để đem lại lợi ích cho xã hội bằng các năng lực CDIO)</b>											
3.1. Nhận biết và phân tích bối cảnh XH và ngoại cảnh									■		
3.2. Nhận biết và phân tích bối cảnh tổ chức											
3.3. Hình thành ý tưởng											
3.4. Xây dựng phương án											
3.5. Thực hiện phương án											
3.6. Vận hành phương án											
<b>4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>											
4.1. Tự chủ và trách nhiệm cá nhân											
4.2. Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp											
4.3. Tự chủ và trách nhiệm với xã hội											
<input checked="" type="checkbox"/> Tương quan mạnh (strong correlation) <input type="checkbox"/> Tương quan tốt (good correlation)											

**Ghi chú:** So sánh giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng theo cách tiếp cận CDIO và tiêu chuẩn kiểm định của tổ chức kiểm định có uy tín và được công nhận rộng rãi.

## Phụ lục 3: Mẫu khung mẫu chuẩn đầu ra

### CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):.....
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):.....
3. Trình độ đào tạo: .....
4. Mã ngành đào tạo:.....
5. Đối tượng tuyển sinh:.....
6. Thời gian đào tạo:.....
7. Loại hình đào tạo:.....
8. Số tín chỉ yêu cầu: .....
9. Thang điểm:.....
10. Điều kiện tốt nghiệp: .....
11. Văn bằng tốt nghiệp: .....
12. Vị trí làm việc:(viết tối đa 40 từ).....
13. Khả năng nâng cao trình độ:(viết tối đa 40 từ).....
14. Chương trình chuẩn tham khảo: (liệt kê 3 chương trình chuẩn đã tham chiếu khi viết chương trình).....

#### B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### I. Mục tiêu đào tạo

##### 1. Mục tiêu chung (viết tối đa 50 từ)

(tuyên bố tổng quát về lý tồn tại của chương trình đào tạo, trong đó xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp...cấp độ một -X)

##### 2. Mục tiêu cụ thể (viết tối đa 100 từ)

(cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ hai [X.x])

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

- Kiến thức và lập luận ngành (UNESCO: Học để biết)
- Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, và phẩm chất (UNESCO: Học để trưởng thành)
- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (UNESCO: Học để chung sống)
- Năng lực thực hành nghề nghiệp (UNESCO: Học để làm)

##### II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu

(bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ ba X.x.x và trình độ năng lực yêu cầu)

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng và phẩm chất giữa các cá nhân, và năng lực thực hành nghề nghiệp:

##### 1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
1.1.1	Kiến thức về giáo dục chính trị	
1.1.2	Kiến thức về an ninh quốc phòng	
1.1.3	Kiến thức về giáo dục thể chất	
1.1.4	Kiến thức về ngoại ngữ	
1.1.5	Kiến thức về Công nghệ thông tin	
1.1.6	Kiến thức về pháp luật	
<b>1.2</b>	<b><i>Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo</i></b>	
1.2.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>1.3</b>	<b><i>Kiến thức chung cho nhóm ngành</i></b>	
1.3.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>1.4</b>	<b><i>Kiến thức ngành/chuyên ngành và bổ trợ</i></b>	
1.4.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>1.5</b>	<b><i>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i></b>	
1.5.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.</b>	<b>Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân</b>	
<b>2.1</b>	<b><i>Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</i></b>	
2.1.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...	...	
<b>2.2</b>	<b><i>Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</i></b>	
2.2.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.3</b>	<b><i>Khả năng tư duy hệ thống</i></b>	
2.3.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.4</b>	<b><i>Các kỹ năng nghề nghiệp</i></b>	
2.4.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.5</b>	<b><i>Kỹ năng làm việc nhóm</i></b>	
2.5.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
<b>2.6</b>	<b><i>Kỹ năng giao tiếp</i></b>	
2.6.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.7</b>	<b><i>Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ</i></b>	
2.7.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.8</b>	<b><i>Kỹ năng công nghệ thông tin</i></b>	
2.8.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>2.9</b>	<b><i>Kỹ năng mềm</i></b>	
2.9.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>3.</b>	<b><i>Năng lực thực hành nghề nghiệp (áp dụng kiến thức để đem lại lợi ích cho xã hội bằng các năng lực CDIO)</i></b>	
<b>3.1</b>	<b><i>Nhận biết và phân tích bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</i></b>	
3.1.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...	...	
<b>3.2</b>	<b><i>Nhận biết và phân tích bối cảnh tổ chức</i></b>	
3.2.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>3.3</b>	<b><i>Hình thành ý tưởng (năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn)</i></b>	
3.3.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>3.4</b>	<b><i>Xây dựng phương án (năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn)</i></b>	
3.4.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>3.5</b>	<b><i>Thực hiện phương án (năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp)</i></b>	
3.5.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		
<b>3.6</b>	<b><i>Vận hành phương án (năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp)</i></b>	
3.6.1	<i>(tối đa 7 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...		



Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
4	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
4.1	<i>Tự chủ và trách nhiệm cá nhân</i>	
4.1.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...	...	
4.1	<i>Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp</i>	
4.1.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...	...	
4.1	<i>Tự chủ và trách nhiệm với xã hội</i>	
4.1.1	<i>(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)</i>	
...	...	

## 2. Trình độ năng lực

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả
1. Biết	0.0 – 2.0 (I)	Có biết qua/có nghe qua
2. Hiểu	2.0 – 3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Ứng dụng	3.0 – 3.5 (III)	Có khả năng ứng dụng
4. Phân tích	3.5 – 4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Tổng hợp	4.0 – 4.5 (V)	Có khả năng tổng hợp
6. Đánh giá	4.5 – 5.0 (VI)	Có khả năng đánh giá và sáng tạo

### Quy cách trình bày chuẩn đầu ra

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 3pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở bên phải, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

## Phụ lục 4: Mẫu phiếu đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra

### PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

Tên chương trình: .....

Họ và tên người đánh giá: .....

Đơn vị: .....

#### Phần A: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

- Chương trình: .....

- Đánh giá: .....

#### Phần B: GIỚI THIỆU VỀ CHUẨN ĐẦU RA

#### Phần C: ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phần này liệt kê bản chuẩn đầu ra chi tiết đến cấp độ 3. Xin Ông/Bà cho ý kiến nhận xét cụ thể cho từng phần trong bản chuẩn đầu ra này.

1	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>
Chương trình:	
Đánh giá:	

2	<b>KỸ NĂNG VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁ NHÂN</b>
Chương trình:	
Đánh giá:	

3	<b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP (NĂNG LỰC CDIO)</b>
Chương trình:	
Đánh giá:	

4	<b>NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM</b>
Chương trình:	

Đánh giá:

#### Phần D: ĐÁNH GIÁ CHUNG CHUẨN ĐẦU RA

Với bản chuẩn đầu ra chi tiết của chương trình đào tạo được liệt kê ở Phần C, xin Ông/Bà đánh giá tổng thể bằng cách cho điểm ở từng mục trong bảng dưới đây. Thang điểm từ 1 đến 5, với 5 là điểm số cao nhất – hoàn toàn đáp ứng được tiêu chí, và 1 là điểm thấp nhất – không đáp ứng được tiêu chí.

Số TT	Tiêu chí	1	2	3	4	5
1	Mục tiêu đào tạo có phù hợp với sứ mạng của trường và sinh viên tốt nghiệp từ chương trình với sự giáo dục khoa học và nghề nghiệp họ có thể thành công trong công việc nói chung và nhất là trong ngành.					
2	Phần “Kiến thức và lập luận ngành” thể hiện được đặc điểm riêng của ngành đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của người học và thị trường lao động.					
3	Phần “Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp và cá nhân” phù hợp với các yêu cầu doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của người học.					
5	Phần “Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội” tổng quát những năng lực hoạt động nghề nghiệp và chuyên môn chính mà người học có thể thực hiện sau khi hoàn thành chương trình.					
	Phần “Năng lực tự chủ và trách nhiệm” phù hợp với các yêu cầu xã hội, doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của người học					
6	Mô tả rõ ràng những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học phải có, nắm vững và thực hiện được sau khi hoàn tất chương trình.					
7	Mục tiêu có thể đo lường được, chứng minh được và đánh giá được mức độ đáp ứng của từng yêu cầu.					
<b>NHẬN XÉT CHUNG:</b>						

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Ký tên**

(Ghi rõ họ và tên)